

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định, số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/24/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Ngân hàng TMCP Bản Việt,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là “*Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt*”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế Quyết định số 57/21/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng quản trị.
- Điều 3.** Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và các cá nhân có liên quan của Ngân hàng TMCP Bản Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- CBTT, đăng tải Website BVBank;
- Lưu VP HĐQT, Trang QLVB. *MP*



Lê Anh Tài

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân Hàng TMCP Bản Việt;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/24/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt (Ngân hàng).

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình và cùng chịu

- trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các nghĩa vụ sau:
 - (a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng Quy chế này và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - (b) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo;
 - (c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;
 - (d) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình;
 - (e) Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết;

- (f) Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- (g) Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- (h) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;
- (i) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị trong Ngân hàng.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - (a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - (b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - (c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - (d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với Ngân hàng; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - (e) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - (a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;
 - (b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;
 - (c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

- (d) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- (e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó;
- (f) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - (b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - (d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (g) Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
 - (h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - (i) Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;
 - (j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;

- (k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
- (l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 45 của Luật Các tổ chức tín dụng, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
 - (b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - (d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 3 Điều 43 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - (e) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của Ngân hàng.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật liên quan.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm

giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (b) Trình độ chuyên môn;
 - (c) Quá trình công tác;
 - (d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - (e) Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;

- (f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
 - (g) Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 11. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu. Những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- 2. Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách người được bầu trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - (a) Triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của Ngân hàng sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên;
 - (b) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- (c) Quyết định việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- (d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị;
- (e) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;
- (f) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- (g) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (h) Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (i) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;
- (j) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;

- (k) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc;
 - (l) Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - (m) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;
 - (n) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;
 - (o) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;
 - (p) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng;
 - (q) Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được duyệt;
 - (r) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - (s) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;
 - (t) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (u) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - (v) Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;
 - (w) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - (b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - (c) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - (d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
 - (e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - (f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;
 - (g) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - (a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các ủy ban và tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải thành lập các ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của hai ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
2. Ngoài các Ủy ban nêu tại khoản 1 nêu trên, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định Điều lệ Ngân hàng bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của các ủy ban, tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - (b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - (c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật khác có liên quan.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.